

Bản án số: **42/2024/HS-ST**

Ngày: 25/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Minh Thân;

- Ông Nguyễn Tiến Chuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 409/2023/HSST ngày 14/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2023/QĐXXST-HS ngày 28/12/2023, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Tô Văn C**; **Sinh năm: 1993**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Con ông: Tô Văn B (*Đã chết*); Con bà: Ngô Thị O; Vợ/Con: Không; Gia đình Bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội;

Bị hại: Anh Nguyễn Đức M; Sinh năm: 1994; HKTT: Xóm M, xã M, huyện K, tỉnh C;

(*Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 08/2022, do là bạn bè cùng quê với nhau từ nhỏ Tô Văn C hợp tác kinh doanh cùng với anh Mạch Văn T (*Sinh năm:*

1993; HKTT: T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) góp tiền kinh doanh và cho thuê hai nhà trọ tại địa chỉ: nhà số 34 ngõ 8/11/36 L, phường V thuê của bà Nguyễn Thị Minh H (Sinh năm: 1966; HKTT: Số 152 ngách 2, Thịnh Hào 1, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) và nhà số 10, hẻm 32/101/9/8 Đỗ Đức Dục, phường Mễ Trì (thuê của bà Đỗ Thị Lan; Sinh năm: 1952; HKTT: TDP Ngọc Đại, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội), mỗi người quản lý một nhà trọ và cùng nhau phân chia lợi nhuận. Tháng 5/2022, anh Nguyễn Đức M (Sinh năm: 1994; HKTT: Xóm Mỹ Hóa, xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) đến thuê phòng trọ tại nhà số 34 ngõ 8/11/36 Lê Quang Đạo, phường Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Trong thời gian thuê trọ, anh M thấy việc làm ăn kinh doanh nhà trọ của C có lãi nên nảy ý muốn góp vốn cùng mở rộng kinh doanh ra các nhà trọ khác. C và anh M có tìm hiểu góp vốn một vài nhà trọ nhưng không thành công, Sau đó C đã hoàn trả tiền cho anh M. Tháng 8/2022, C mặc dù đang hợp tác kinh doanh với anh Mạch Văn T nhưng do bí bách nợ nần, thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh M. Để thực hiện hành vi phạm tội, C đề nghị anh M chung vốn kinh doanh hai căn nhà trọ nêu trên và anh M đồng ý. C đưa ra thông tin tổng số vốn C bỏ ra là 416.000.000 đồng, đề nghị anh M góp vốn theo tỷ lệ 50/50. Anh M đồng ý và đã nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu của C bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 19038204461013 của anh M tại Ngân hàng V đến số tài khoản 1014728089 của C tại Ngân hàng S từ khoảng đầu tháng 9/2023 và liên tục cho đến ngày 21/12/2022. C là người quản lý nhà trọ và thu tiền của khách thuê trọ, cân đối thu chi thanh toán tiền gốc cho chủ nhà. Anh M góp vốn nhưng không quản lý, nhận tiền lời lãi hàng tháng dựa trên doanh số khách thuê trọ. Từ tháng 9/2022 đến tháng 11/2022, C đã thanh toán tiền lãi cho anh M 30.000.000 đồng (thực chất là dùng chính số tiền mà anh M chuyển để tạo tin tưởng cho anh M là việc hợp tác kinh doanh giữa hai bên vẫn đang được thực hiện và có lợi nhuận). Tính đến ngày 21/12/2022, anh M đã chuyển tiền cho C tổng cộng 395.500.000 đồng tiền (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) vốn góp kinh doanh nhà trọ.

Do nợ nần nên tháng 10/2022 C đã nhượng lại nhà trọ số 10 cho anh Mạch Văn T, đến tháng 11/2022, C tiếp tục nhượng lại nhà trọ số 34 cho anh Hoàng Dũng Phương (Sinh năm: 1983; HKTT: CH 1911/CT2, khu đô thị mới Nghĩa Đô, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Ngày 20/11/2022, C dẫn anh Phương gặp bà Nguyễn Thị Minh H (chủ nhà trọ số 34) để làm Hợp đồng mới chuyển nhượng cho anh Phương để anh Phương toàn quyền đứng ra làm hoạt động cho thuê căn nhà nêu trên. Đến ngày 20/12/2022, C tiếp tục dẫn anh T gặp bà Đỗ Thị Lan (chủ nhà trọ số 10) làm lại Hợp đồng, trao toàn quyền quản lý lại cho anh T. Toàn bộ quá trình sang nhượng nhà trọ C tiếp tục giấu

không nói cho anh M biết để tiếp tục thực hiện mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau khi đã sang nhượng hai nhà trọ cho người khác thì C hoàn toàn không còn liên quan gì đến việc quản lý, sử dụng cho thuê 02 nhà trọ trên nữa nhưng C vẫn tiếp tục có ý định chiếm đoạt tiếp tài sản của anh M. C nói với anh M là không có nhu cầu tiếp tục kinh doanh, muốn thu hồi vốn về và đề nghị anh M mua lại quyền kinh doanh hai nhà trọ trên và anh M đồng ý. Để anh M tin tưởng, C tạo ra hai bản “Hợp đồng thuê nhà” và giả chữ ký của bà H và bà Lan chủ nhà trọ, đồng thời lập hai bản “Hợp đồng sang nhượng nhà trọ” nội dung thể hiện việc C sang nhượng cho anh M quyền kinh doanh hai căn nhà trọ trên cùng đề ngày trên Hợp đồng là 25/12/2022. C cũng yêu cầu anh M thanh toán thêm tiền với lý do đã đóng tiền cho chủ nhà và lắp đặt thêm đồ đạc trong nhà trọ. Anh M tin tưởng vào thông tin C đưa ra là thật nên sau khi xem Hợp đồng giả do C lập nên đã tiếp tục chuyển tiếp cho C nhiều lần tổng số tiền 66.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25/12/2022 đến ngày 07/01/2023. Toàn bộ số tiền này C đã chi tiêu cá nhân hết và không còn khả năng trả nợ. Đến tháng 02/2023, do vẫn tin hiện mình là chủ thuê hai nhà trọ nên anh M đi thu tiền khách thuê trọ thì phát hiện sự việc hai nhà trọ đã bị C sang nhượng cho người khác trước đó. Ngày 17/4/2023, do không thể liên lạc được với C, biết bản thân bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản, anh M đã tố giác hành vi của Tô Văn C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm. Ngày 03/11/2023 Tô Văn C bị bắt tạm giam. Tại Cơ quan điều tra, Tô Văn C khai nhận hành vi phạm tội của C như đã nêu ở trên.

Vật chứng tạm giữ gồm có:

- 02 bản Hợp đồng nhượng nhà đề ngày 25/12/2022 có chữ viết tay và chữ ký của bên cho thuê đề tên “Tô Văn C” và chữ ký của bên thuê đề tên: “Nguyễn Đức M” (do anh M giao nộp và khai là Hợp đồng ký giữa anh M và Tô Văn C về việc C sang nhượng cho anh M quyền kinh doanh 2 căn nhà trọ trên);

- 01 bản Hợp đồng thuê nhà đề ngày 15/5/2022, có chữ ký của bên cho thuê đề tên “Nguyễn Thị Minh H”, chữ ký bên thuê đề tên “Tô Văn C”, chữ ký của người làm chứng đề tên: “Nguyễn Văn Bằng” (do anh Nguyễn Đức M giao nộp và khai là Hợp đồng gốc do Tô Văn C đưa);

- 01 bản Hợp đồng thuê nhà đề ngày 02/6/2022 kèm theo phụ lục “Biên bản bàn giao tài sản” đề ngày 02/6/2022; 01 bản thanh lý Hợp đồng thuê nhà đề ngày 20/12/2022 có chữ ký của người cho thuê đề tên: “Đỗ Thị Lan” và chữ ký của người thuê tên: “Tô Văn C” (tạm giữ của bà Đỗ Thị Lan là chủ nhà trọ số 10);

- 01 bản Hợp đồng thuê nhà đề ngày 01/5/2022, được soạn thảo theo mẫu in sẵn, có chữ viết tay (chưa xác định được người viết), chữ ký của người cho thuê đề tên “Nguyễn Thị Minh H” và chữ ký của người thuê đề tên “Tô Văn C” (tạm giữ của bà Nguyễn Thị Minh H);

- 01 bản hợp đồng thuê nhà đề ngày 01/5/2022, có chữ ký của người cho thuê đề tên “Nguyễn Thị Minh H” và chữ ký của người thuê đề tên “Hoàng Dũng Phương” có chữ ký và chữ viết tay đề tên “Tô Văn C” ghi nội dung “Tôi đồng ý hủy Hợp đồng đã ký với bà Nguyễn Thị Minh H” (*tạm giữ của bà Nguyễn Thị Minh H*);

Tại Kết luận giám định số: 5654/KL-KTHS ngày 24/8/2023 và Kết luận giám định số: 6234/KL-KTHS ngày 20/9/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

“+ Chữ ký thứ nhất từ phải sang trái tại cuối các trang trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Tô Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là chữ do cùng một người ký ra.”

“+Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Minh H dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Minh H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M12 không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.”

Quá trình điều tra xác định việc Tô Văn C làm giả các mẫu Hợp đồng đề tên người liên quan là bà Nguyễn Thị Minh H, bà Đỗ Thị Lan cũng như các bên liên quan giao kết hợp đồng là anh Mạch Văn T và anh Hoàng Dũng Phương để chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Đức M thì các cá nhân nêu trên đều không biết, không liên quan nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chữ ký và chữ viết giả mạo bà Nguyễn Thị Minh H trong Hợp đồng thuê nhà mà C đưa cho anh M và chữ ký người làm chứng “Nguyễn Văn Bằng”, C khai nhờ một người khách trọ ở nhà trọ số 34 Phú Đô ký và viết hộ. C không nhớ tên và địa chỉ của khách, cũng không nhớ khách ở phòng trọ nào. Khi nhờ ký hộ thì C cũng không nói cho người đó biết mục đích chiếm đoạt tài sản của mình. Do không có thông tin về người ký hộ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Ngày 23/6/2023, C đã trả lại anh Nguyễn Đức M số tiền 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*), bao gồm số tiền 461.500.000 đồng và số tiền còn lại là tiền C vay nợ anh M. Anh M đã nhận lại tiền, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho C.

Đối với anh Hoàng Dũng Phương: Anh Phương khai C còn nợ anh Phương số tiền 27.000.000 đồng liên quan đến việc cho thuê nhà liên quan đến vụ án, C vẫn chưa trả lại cho anh Phương. Số tiền này anh Phương sẽ tự giải quyết dân sự riêng với C, không yêu cầu Cơ quan Công an xử lý C đối với số tiền này nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Theo Cáo trạng số: 388/CT-VKS-NTL ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố Bị cáo Tô Văn C về

tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

Tại phiên tòa: Bị cáo Tô Văn C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi mà Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được sớm về với gia đình.

Luận tội của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Tô Văn C như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Tô Văn C về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về xử lý vật chứng: Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng từ tháng 08/2022 đến tháng 02/2023, Tô Văn C có hành vi đưa ra các thông tin gian dối liên quan đến việc góp vốn cùng anh Nguyễn Đức M kinh doanh cho thuê hai nhà trọ có địa chỉ tại nhà số 10 Đỗ Đức Dục, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của bà Đỗ Thị Lan và nhà số 34 Phú Đô, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của bà Nguyễn Thị Minh H để anh M tin tưởng giao tiền, mặc dù sau khi C đã sang nhượng lại nhà trọ số 10 cho anh Mạch Văn T và nhượng lại quyền kinh doanh nhà trọ số 34 cho anh Hoàng Dũng Phương nhưng vẫn cố tình giấu diếm anh M đồng thời C tạo ra hai bản “Hợp đồng thuê nhà” giả mạo chữ ký chữ viết của chủ nhà trọ để anh M tin tưởng và ký Hợp đồng nhượng nhà vào ngày 25/12/2022 để chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Đức M. Tổng số tiền C chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức M là: 461.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo đã khai nhận tội và đã khắc phục hậu quả, trả lại anh Nguyễn Đức M toàn bộ số tiền Bị cáo đã chiếm đoạt của anh M. Anh M không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Bị cáo.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Tô Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo C về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy Bị cáo C có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bị cáo cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Bị cáo nên Bị cáo C được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật;

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Không;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng, Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo **Tô Văn C 08 (Tám) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2023.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:

- Lưu HS.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Buộc Bị cáo Mây phải bồi thường cho anh Đức số tiền: 46.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 288; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh phải bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Đại Thanh (Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Thế Bình - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà (Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm (Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho anh Đỗ Nhật Thành số tiền: 12.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu đồng);

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh và bị cáo Nguyễn Tiến Bằng phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà (Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở và quản lý khu đô thị Mường Thanh (Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 13.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 6.500.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thiên Trường Việt Nam (Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Oanh - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm (Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đương - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa và 01 thẻ gửi xe (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 110 ngày 20/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*);

Buộc bị cáo Tuấn phải truy nộp: 14.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng*); Bị cáo Phong phải truy nộp: 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*); Bị cáo Việt phải truy nộp: 4.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); Bị cáo Minh phải truy nộp: 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Bị cáo Bằng phải truy nộp: 1.250.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), nộp ngân sách Nhà Nước .

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Các bị cáo: Minh, Bằng, Tuấn, Phong, Việt, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Minh phải chịu 4.425.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bằng phải chịu 1.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.